

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 17/2024/DS-ST

Ngày: 09/01/2024

“V/v tranh chấp dân sự hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Hoàng.

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Huỳnh Thị Kim Á, sinh năm 1966; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:**

Nguyễn Văn P, sinh năm 1967; (Có mặt)

Võ Thị Ánh T, sinh năm 1965. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Á trình bày:*
Qua quen biết chị có tham gia góp hụi do vợ chồng ông P, bà T làm đầu thảo. Sau khi
bể hụi thì tổng kết lại vợ chồng ông P, bà T còn nợ lại chị 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào tháng 4 năm 2021 chị còn cho bà **T** mượn số tiền 30.000.000 đồng. Việc cho mượn không làm giấy tờ. Sự việc này chị cũng nói cho ông **P** biết.

Nay chị yêu cầu vợ chồng ông **P**, bà **T** cùng có nghĩa vụ trả số tiền 130.000.000 đồng. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ chứng minh: Hợp đồng vay tiền ngày 07/3/2022.

* *Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn bà **Võ Thị Ánh T** trình bày:* Bà xác định chị **A** có tham gia góp hụi do vợ chồng làm đầu **T1**. Sau khi bể hụi vợ chồng bà còn nợ lại chị **T** số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra, bà có mượn chị **T** số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền nợ này dùng để chi tiêu cho gia đình và choàng hụi chết cho các hụi viên khác. Nay với yêu cầu khởi kiện của chị **A** bà đồng ý trả xin trả sau 04 tháng.

* *Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn ông **Nguyễn Văn P** trình bày:* Trước đây vợ chồng ông có làm đầu thảo hụi sau khi ông ký tên xác nhận cùng vợ làm đầu thảo thì đây hụi 5.000.000 đồng mà chị **A** tham gia chỉ có 10 người tham gia nên không thể thiếu hụi chết là 100.000.000 đồng và cũng không nợ tiền mượn 30.000.000 đồng. Nay chị **A** kiện đòi 100.000.000 đồng ông không đồng ý. Ông chỉ xác định còn nợ hụi chết là 50.000.000 đồng. Riêng tiền vay nợ không biết nên không đồng ý trả. Nay ông đồng ý trả 50.000.000 nhưng xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 25.000.000 đồng (chia đôi nợ với bà **T**).

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông **P**, bà **A** trả lại số tiền hụi là 40.000.000 đồng và tiền vay là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 70.000.000 đồng và đã trả được 1.000.000 đồng còn nợ lại 69.000.000 đồng. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Áp dụng điều 463, 466 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

Quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “*Hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp hụi*” được quy định tại điều 463, 471 Bộ luật Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

1/ Xét yêu cầu khởi kiện của chị **A** về việc trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 69.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bà **T** thừa nhận và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và xác nhận còn nợ số tiền hụi và vay là 69.000.000 đồng. Riêng ông **P** không thừa nhận có nợ số tiền vay là 30.000.000 đồng, tuy ông **P** không thừa nhận nhưng số tiền này bà **A** vay nhằm mục đích chi tiêu cho gia đình nên cần buộc ông **P** cùng có nghĩa vụ trả cho chị **A** số tiền vay. Đối với số tiền hụi là 40.000.000 đồng phía ông **P** thừa nhận chị **A** có tham gia góp hụi do vợ chồng ông làm đầu thảo nên cần buộc ông **P** có trách nhiệm cùng bà **T** trả tiền hụi cho chị **A**. Trong quá trình giải quyết vụ án Bà **T** đã trả được 1.000.000 đồng cho chị **A**. Từ những nhận định nêu trên nên yêu cầu chị **A** có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2/ Xét yêu cầu tính lãi tại phiên Tòa chị **A** không yêu cầu xem xét về lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Xét yêu cầu chị **Huỳnh Thị Kim A** về thời gian trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ tổng cộng là 69.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị **A** yêu cầu ông **P**, bà **T** trả số tiền 69.000.000 đồng cho trả trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị **A** cho phía bị đơn trả dần số tiền nợ là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về thời gian trả là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của chị **A** được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị **A** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông **P**, bà **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5/ Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 463, 466, 471, 288 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình

Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Kim Á**.

Buộc ông **Nguyễn Văn P**, bà **Võ Thị Ánh T** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị **Huỳnh Thị Kim Á** số tiền tiền vay, tiền hụi còn nợ tổng cộng là 69.000.000 đồng (Sáu mươi chín triệu đồng). Thời gian trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ. Thực hiện nghĩa vụ trả tiền lần đầu khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị **Á** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **P**, bà **T** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Văn P**, bà **Võ Thị Ánh T** cùng phải chịu 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- **H** lại chị **Huỳnh Thị Kim Á** số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0029161 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG

